

TỔNG CỤC THUẾ

Cục (Chi Cục).....

**KẾ HOẠCH THANH TRA (KIỂM TRA) SỰ TUÂN THỦ
NĂM**

Đơn vị được thanh tra (kiểm tra)	Tiêu chí lựa chọn		Nội dung thanh tra		Đơn vị thực hiện TTr (Nguồn lực)	Hình thức thanh tra (kiểm tra)	Thời gian thanh tra (kiểm tra)
	TC1	TC2 ...	ND1	ND2 ...			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
1.Cục thuế (Chi cục, Phòng,)							
2.Chi cục (Phòng)							
3....							
4....							

....., Ngày tháng năm 200..

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

- **Đơn vị được thanh tra** (Cột 1) là những đơn vị mà Tổng cục, Cục (Chi cục) sẽ tiến hành thanh tra, kiểm tra nội bộ trong năm.

- **Đơn vị thực hiện thanh tra** (Cột 6) là những đơn vị trực tiếp triển khai công tác thanh tra, kiểm tra sự tuân thủ tại các đơn vị tương ứng ở cột 1. Đơn vị thực hiện thanh tra có thể là: Ban kiểm tra nội bộ, Phòng kiểm tra nội bộ, có thể là Tổ kiểm tra nội bộ của Chi cục này kiểm tra chéo Chi cục khác, ... Đồng thời nêu lên nguồn nhân lực (số lượng cán bộ) trực tiếp tiến hành công tác thanh tra (kiểm tra).

- **Tiêu chí lựa chọn** (Cột 2 và Cột 3): là các chỉ tiêu đưa ra để sàng lọc, lựa chọn đối tượng để thanh tra (kiểm tra). Ví dụ có thể đưa ra các tiêu chí sau: TC1: Đơn vị có số thu từ 500 tỷ đồng trở lên và từ 3 – 5 năm liên tục chưa được kiểm tra; TC2: Đơn vị có các doanh nghiệp vi phạm khấu trừ thuế, gian lận tiền hoàn thuế của nhà nước; TC3: Đơn vị có doanh nghiệp bỏ trốn, có các doanh nghiệp mua bán hoá đơn; TC4: Đơn vị có nợ đọng thuế lớn; tỷ lệ DN NQD được kiểm tra thấp và tỷ lệ sai phạm lớn.

- **Nội dung thanh tra** (Cột 4 và Cột 5): Nội dung dự kiến sẽ thanh tra (kiểm tra) đối với từng đơn vị phải phản ánh cụ thể vào kế hoạch thanh tra (kiểm tra). Ví dụ có thể đưa ra các nội dung sau: ND1: Thực hiện cấp mã số thuế và cấp bán hoá đơn; ND2: Quản lý nợ thuế; ND3: Giải quyết hoàn thuế; ND4: Kết quả thực hiện và tổ chức về thanh tra kiểm tra đối tượng nộp thuế.

- **Hình thức thanh tra** (Cột 7): thanh tra toàn diện, thanh tra theo nội dung, thanh tra chuyên đề, thanh tra, kiểm tra đột xuất hoặc thanh tra, kiểm tra chéo

- **Thời gian thanh tra** (Cột 8): là thời gian làm việc thực tế của Đoàn thanh tra, kiểm tra tại đơn vị theo quy định của pháp luật (dự kiến thời gian triển khai - từ thángnăm đến ... tháng... năm).